

Nghị quyết số: /2025/QH15

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt áp dụng cho
dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 của Quốc hội và được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 95/2025/QH15 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 của Quốc hội và được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15, Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 172/2024/QH15 của Quốc hội về chủ trương đầu tư dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 227/2025/QH15 của Quốc hội tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam (sau đây gọi tắt là Dự án).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.
- Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp.
- Nhà đầu tư trong nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Về công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và di dời công trình điện

- Tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và công tác di dời công trình điện có điện áp từ 110 kV trở lên của Dự án thành các dự án độc lập và các kinh phí này không tính trong tổng mức đầu tư của Dự án.

2. Trên cơ sở phương án tuyển công trình, vị trí công trình trên tuyến được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, các địa phương tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện các dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn và nguồn vốn được cấp trực tiếp từ nguồn ngân sách trung ương cho địa phương công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp ngân sách trung ương chưa kịp bố trí, các địa phương chủ động cân đối nguồn ngân sách địa phương để thực hiện, ngân sách trung ương sẽ hoàn trả cho ngân sách địa phương sau khi cân đối được vốn.

3. Tập đoàn Điện lực Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt các dự án di dời công trình điện có điện áp từ 110 kV trở lên. Nguồn vốn được cấp trực tiếp từ nguồn ngân sách trung ương cho công tác này.

Điều 4. Về khai thác khoáng sản làm vật liệu, bãi đỗ thải

a) Việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng phục vụ Dự án thực hiện theo khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 187/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội. Căn cứ nhu cầu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: rà soát và được phép giao các mỏ khoáng sản làm vật liệu cho các tổ chức, nhà thầu trực tiếp thi công Dự án có năng lực, kinh nghiệm khai thác khoáng sản phục vụ Dự án mà không phải thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản; công bố giá vật liệu tại mỏ. Chi phí giải phóng mặt bằng các mỏ vật liệu phục vụ Dự án được lấy từ nguồn Dự phòng của các Dự án giải phóng mặt bằng.

b) Các nội dung liên quan đến bãi đỗ chất thải rắn xây dựng và tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước phục vụ Dự án Dự án thực hiện theo khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 187/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội.

Điều 5. Công tác chuẩn bị đầu tư

1. Trường hợp Dự án áp dụng hình thức đầu tư kinh doanh hoặc đầu tư theo phương thức đối tác công tư thì không phải thực hiện lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

2. Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án phải thực hiện theo quy định pháp luật về xây dựng, đường sắt và pháp luật có liên quan. Người quyết định đầu tư căn cứ vào điều kiện khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn và hiện trạng công trình được phép điều chỉnh một số hướng tuyến; vị trí, quy mô, số lượng nhà ga và các hạng mục phụ trợ khác. Việc điều chỉnh phải đảm bảo tối ưu và hiệu quả hơn phương án trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và chỉ được thực hiện sau khi có ý kiến của Cơ quan có thẩm quyền.

3. Tổ chức được giao lập Báo cáo nghiên cứu khả thi có trách nhiệm gửi hồ sơ Dự án sau khi đã thẩm tra cho Kiểm toán nhà nước để thực hiện kiểm toán các nội dung liên quan đến tổng mức đầu tư. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị kiểm toán, Kiểm toán nhà nước gửi kết quả kiểm toán cho người quyết định đầu tư.

4. Trường hợp chuyển đổi hình thức đầu tư công sang hình thức đầu tư kinh doanh hoặc đầu tư theo phương thức đối tác công tư, nhà đầu tư được lựa chọn có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ các chi phí cho Nhà nước đối với các công việc liên

quan đến Dự án đã thực hiện. Tổ chức được giao chuẩn bị Dự án có trách nhiệm tính toán các chi phí thực hiện, gửi cho nhà đầu tư để chi trả.

Điều 6. Về khai thác nhà ga và khu vực TOD

1. Về khai thác nhà ga đường sắt: cơ quan, đơn vị quản lý khai thác, nhà đầu tư được sử dụng, khai thác hoặc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt và các công trình dịch vụ khác trong khu vực ga đường sắt (bao gồm cả đất gắn với ga đường sắt) theo quy định của pháp luật về đường sắt, đất đai và pháp luật khác có liên quan.

2. Đối với khu vực TOD, trong trường hợp hình thức đầu tư kinh doanh hoặc phương thức đối tác công tác công tư:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phép ưu tiên chỉ định nhà đầu tư Dự án để thực hiện đầu tư dự án phát triển đô thị theo mô hình TOD thuộc phạm vi dự án theo quy định pháp luật về đấu thầu, đường sắt.

b) Nhà đầu tư được quyền ứng kinh phí của nhà đầu tư để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy hoạch khu vực TOD và nộp tiền sử dụng đất, thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan;

c) Tiền sử dụng đất thu được chính quyền địa phương cấp tỉnh được giữ lại 50% nộp vào ngân sách địa phương và 50% nộp vào ngân sách trung ương.

Điều 7. Về các chính sách tài chính

1. Về hỗ trợ tài chính

a) Trường hợp đầu tư theo hình thức đầu tư kinh doanh: Nhà nước cho vay tối đa không quá 80% tổng mức đầu tư dự án được phê duyệt (không bao gồm chi phí dự phòng) với lãi suất tối thiểu bằng 0% trong thời hạn không quá 30 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Trong vòng 30 năm kể từ thời điểm giải ngân khoản vay đầu tiên, nhà đầu tư có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ khoản vay cho Nhà nước;

b) Trường hợp đầu tư theo phương thức đối tác công tư: tỷ lệ vốn nhà nước tham gia không quá 80% tổng mức đầu tư dự án được phê duyệt.

2. Trong quá trình thực hiện, Thủ tướng Chính phủ được quyết định các chính sách tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết 172/2024/QH15 ngày 30 tháng 10 năm 2024 để huy động vốn hoặc hỗ trợ cho Dự án.

3. Các ngân hàng thương mại trong nước được miễn áp dụng quy định về tổng mức dư nợ cấp tín dụng tại khoản 1 Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng đối với các khoản vay của nhà đầu tư và người có liên quan để phục vụ Dự án; khoản vay này không tính vào tổng mức dư nợ cấp tín dụng của các ngân hàng đối với nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 8. Phát triển khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực cho Dự án

a) Tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động khoa học, công nghệ phục vụ Dự án được hưởng ưu đãi như doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao trong thời gian thực hiện Dự án;

b) Tổ chức, cá nhân tham gia đào tạo phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật công nghệ cao phục vụ Dự án được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.

Điều 9. Về phát triển công nghiệp và chuyển giao công nghệ

a) Chính phủ quyết định lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp nhà nước được giao nhiệm vụ hoặc doanh nghiệp Việt Nam khác được đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt; nghiên cứu, ứng dụng, nhận chuyển giao công nghệ cho Dự án;

b) Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt được giao nhiệm vụ cho tổ chức, doanh nghiệp nhà nước hoặc đặt hàng cho tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam;

c) Trường hợp Dự án áp dụng theo hình thức đầu tư kinh doanh hoặc đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Nhà đầu tư phải ưu tiên sử dụng các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mà trong nước có thể sản xuất, cung cấp; yêu cầu đối tác nước ngoài chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực cho đối tác Việt Nam để làm chủ công tác quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì; từng bước làm chủ công nghệ.

Điều 10. Các quy định riêng cho hình thức đầu tư kinh doanh

1. Phương án thu xếp vốn, giải ngân

a) Ngay sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm xây dựng tiến độ thực hiện dự án, kế hoạch huy động và giải ngân vốn; gửi cơ quan cấp Giấy đăng ký đầu tư xem xét, chấp thuận trước khi khởi công công trình của dự án.

Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện giải ngân với tỷ lệ vốn nhà đầu tư huy động theo quy định của Giấy đăng ký đầu tư nhưng bảo đảm các kỳ giải ngân không thấp hơn 20% kỳ giải ngân cho đến khi hết phần vốn góp nhà đầu tư.

b) Định kỳ hàng tháng, nhà đầu tư có trách nhiệm báo cáo cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư về tình hình huy động vốn đầu tư, tình hình giải ngân vốn tự huy động, vốn vay Nhà nước, kèm theo các tài liệu xác thực.

Trường hợp nhà đầu tư không đáp ứng tiến độ huy động vốn theo cam kết, hoặc sử dụng vốn vay Nhà nước sai mục đích, không khắc phục kịp thời theo yêu cầu của cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có quyền đơn phương thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; đồng thời, nhà đầu tư phải bồi thường mọi thiệt hại, tổn thất, phí tổn cho Nhà nước.

2. Bảo đảm đầu tư

a) Dự án phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Bộ Tài chính có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trình tự thủ tục cấp,

điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

b) Nhà đầu tư bị đình chỉ, ngừng, chấm dứt hoạt động đầu tư kinh doanh và không được bồi hoàn trong trường hợp gây thương hại hoặc có nguy cơ gây thương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, khai thác không bảo đảm chất lượng dẫn đến xảy ra sự cố nghiêm trọng, không thực hiện bảo đảm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

c) Nhà đầu tư phải có bảo đảm thực hiện dự án đối với khoản vay ngân sách nhà nước; trường hợp sau khi kết thúc xây dựng dự án, tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ Dự án. Nhà đầu tư không được cầm cố, thế chấp các tài sản thuộc Dự án để huy động vốn thực hiện các dự án khác.

3. Trong quá trình thực hiện Dự án nhà đầu tư không được điều chỉnh mục tiêu đầu tư, quy mô chủ yếu của dự án về khổ đường, tốc độ thiết kế, tải trọng.

4. Ưu đãi về thuế cho dự án

Nhà đầu tư được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải đường sắt tạo tài sản cố định và các hàng hóa, linh phụ kiện, vật tư, phụ tùng nhập khẩu phục vụ đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt và các vật tư, thiết bị khác phục vụ trực tiếp cho Dự án mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng không đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật của Dự án.

5. Về vận hành, khai thác

a) Nhà đầu tư thực hiện quản lý, vận hành tuyến Dự án có nghĩa vụ: liên thông dữ liệu và quy trình điều hành chạy tàu với hệ thống điều độ trung tâm quốc gia; tuân thủ quy định về chuẩn giao thức dữ liệu, an toàn thông tin và an ninh mạng trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu điều hành chạy tàu;

b) Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đường sắt có trách nhiệm: thiết lập hệ thống điều độ trung tâm quốc gia và giám sát kỹ thuật về liên thông dữ liệu điều hành chạy tàu, biểu đồ chạy tàu; kiểm tra định kỳ và đột xuất việc kết nối, chia sẻ dữ liệu của các tuyến đường sắt; quyết định tạm dừng hoặc điều chỉnh hoạt động vận hành nếu phát hiện vi phạm có nguy cơ mất an toàn chạy tàu.

c) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm bỏ toàn bộ kinh phí của mình để vận hành Dự án bảo đảm theo quy định pháp luật chuyên ngành đường sắt.

Điều 11. Các quy định riêng cho phương thức đối tác công tư

1. Trong 03 năm đầu sau thời điểm vận hành, kinh doanh, cho phép Dự án áp dụng mức chia sẻ 100% phần chênh lệch giảm giữa doanh thu thực tế và doanh thu trong phương án tài chính khi doanh thu thực tế thấp hơn doanh thu trong phương án tài chính; Chính phủ ưu tiên bố trí từ nguồn tăng thu hàng năm, dự toán chi còn lại của ngân sách trung ương hoặc nguồn vốn từ kế hoạch đầu tư hàng năm để chi trả phần chênh lệch giảm doanh thu. Việc chia sẻ phần giảm

doanh thu các năm còn lại sau 03 năm đầu tiên thực hiện theo quy định pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

- Thời gian hoàn vốn cho Dự án không quá 70 năm.

Điều 12. Cơ chế, chính sách bảo đảm phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

1. Thủ tướng Chính phủ thành lập tổ công tác gồm đại diện lãnh đạo Chính phủ, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Khoa học và công nghệ, Bộ Nông nghiệp và môi trường, Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán nhà nước và các bộ, ngành liên quan để theo dõi, giám sát thường xuyên quá trình thực hiện Dự án.

2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này và tham gia quá trình chuyển đổi hình thức đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư được xem xét loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm theo quy định của Đảng và pháp luật.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Trong thời gian Quốc hội không họp, Quốc hội ủy quyền cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh chủ trương đầu tư; bổ sung, điều chỉnh cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt cho Dự án.

2. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội trong việc:

a) Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, khả thi và tiến độ, không để trực lợi chính sách, thất thoát, lãng phí theo đúng Nghị quyết này và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Quản lý, sử dụng vốn và các nguồn lực tiết kiệm, hiệu quả, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thông tin đầy đủ để người dân hiểu, đồng thuận về việc đầu tư Dự án;

c) Quy định nội dung được giao và hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết này theo thẩm quyền;

d) Chỉ đạo Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn, giám sát việc giải ngân, sử dụng phần vốn nhà nước hỗ trợ tài chính thực hiện Dự án.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ: Quốc phòng, Công an, Xây dựng, Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán nhà nước, Ngân hàng Nhà nước thực hiện lựa chọn nhà đầu tư Dự án theo hình thức đầu tư kinh doanh.

4. Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ xây dựng kế hoạch kiểm toán, thanh tra hoạt động Dự án trong quá trình đầu tư, vận hành, khai thác để kịp thời phát hiện, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan khắc phục, điều chỉnh bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh,

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

6. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định chi tiết khoản 2 Điều 6 Nghị quyết này.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Quốc hội thông qua.
2. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa các chính sách nêu trên với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định theo các chính sách nêu trên.
3. Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội ban hành sau ngày các chính sách nêu trên có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn quy định của các chính sách nêu trên thì việc áp dụng do Chính phủ quyết định.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn